

Bản án số: 37/2022/DS-PT
Ngày 04/4/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Ông Trần Tuấn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Phước H, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 280, đường T, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà 49/3 ấp L, xã T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Nguyễn Duy S, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 49/3 ấp L, xã T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3.2. Bà Bùi Thị Ngọc M, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà 49/3 ấp L, xã T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Đỗ Phước H, bị đơn Ông Nguyễn Duy P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14 tháng 4 năm 2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Đỗ Phước H trình bày:

Ngày 25/5/2020, Ông Nguyễn Duy P có ký Hợp đồng vay tiền của ông H số tiền 600.000.000 đồng tại Phòng công chứng S, lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 3 tháng, mục đích vay để kinh doanh. Số tiền này được chuyển giao từ khoản nợ anh S vay ông H 500.000.000 đồng và ông P vay ông H 100.000.000 đồng từ các giấy nợ đề ngày 12/7/2019; 01/8/2019 và 03/9/2019 do anh S, ông P viết và ký tên. Ông H có viết Giấy xác nhận anh S không còn nợ ông H 600.000.000 đồng. Từ ngày ký hợp đồng cho đến nay ông P không trả vốn và lãi. Ông H đã đòi nhiều lần nhưng ông P không trả. Bà M là vợ của ông P không ký tên vào hợp đồng vay nhưng Bà M biết việc ông P vay tiền của ông H. Ông H khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc ông P, Bà M có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông H không yêu cầu anh S cùng trả tiền. Số tiền này là tài sản riêng của ông H, không liên quan đến vợ của ông H. Đề nghị Tòa án không đưa vợ ông H tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, ông H yêu cầu ông P, Bà M có trách nhiệm trả cho ông số tiền vốn vay 600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25/5/2020 cho đến nay. Ông H xác định đã nhận của ông P 25.000.000 đồng tiền lãi và đồng ý cản trừ vào tiền lãi.

- Theo biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Ông Nguyễn Duy P trình bày:

Anh Nguyễn Duy S là con trai của ông có vay tiền của ông H dùm ông nhiều lần. Mỗi lần vay đều có giấy tờ vay tiền. Trong thời gian vay tiền của ông H thì ông P, anh S có trả tiền lãi, phạt lãi, trả bao nhiêu ông P không nhớ. Anh S không còn khả năng đóng lãi nên ông H ra cơ quan anh S gây áp lực. Ông P sợ ảnh hưởng tới việc làm của anh S nên ngày 25/5/2020 ông P có ra Phòng công chứng S ký hợp đồng vay tiền 600.000.000 đồng. Thực tế số tiền này được chuyển giao từ số tiền ông và anh S vay ông H trước đó. Trong số tiền 600.000.000 đồng có nhập số tiền 150.000.000 đồng mà ông H khởi kiện ông P và anh S ở vụ kiện khác. Sau khi ký hợp đồng vay tiền ông H thì ông P có bán xe tải trả tiền vốn, tiền lãi cho ông H số tiền 450.000.000 đồng, do tin tưởng nên không yêu cầu ông H làm giấy tờ. Ông P xác định chỉ còn nợ lại ông H tiền vốn vay khoảng 250.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông P đồng ý trả cho ông H số tiền vốn 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Bà M bị bệnh tai biến từ năm 2014 cho đến nay. Bà M không biết việc ông và anh S vay tiền ông H nên không yêu cầu Bà M cùng trả nợ.

- Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Duy S trình bày:

Khoảng từ tháng 5/2019, anh bắt đầu vay tiền của ông H. Mỗi lần anh vay ông H từ 30.000.000 đồng, 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và anh đều

viết giấy nợ, ký tên cho ông H. Anh vay tiền cho cha anh là ông P buôn bán măng cầu. Anh không có tài sản nên ông H đồng ý cho cha anh là ông P đứng ra trả nợ cho anh. Gồm toàn bộ số nợ trước đây anh và ông P thiếu ông H là 600.000.000 đồng và làm Hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng S. Ông H có viết cho anh Giấy xác nhận anh S không còn nợ ông H 600.000.000 đồng. Trong số tiền này có cả số tiền 150.000.000 đồng ông H đang kiện anh và ông P ở vụ kiện khác. Bà M bị bệnh nên không biết việc anh và ông P vay tiền của ông H. Mong Tòa án xem xét cho Bà M không phải trả tiền. Từ ngày ký hợp đồng vay tiền đến nay ông P trả cho ông H được bao nhiêu tiền anh không biết. Anh S xin vắng mặt phiên tòa xét xử ngày 11/11/2021.

- Theo bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc M trình bày:

Bà M bị bệnh tai biến từ năm 2014 đến nay, sức khỏe yếu, việc vay mượn tiền của ông P và anh S với ông H Bà M không biết. Bà M cũng không biết ông H là ai. Do đó, Bà M không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa ông P, anh S với ông H. Bà M không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H. Bà M xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 464, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ Phước H đối với Ông Nguyễn Duy P.

Buộc Ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ trả cho Ông Đỗ Phước H số tiền vốn vay là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, tiền lãi tính đến ngày 11/11/2021 là 194.280.000 (một trăm chín mươi bốn triệu hai trăm tám mươi ngàn) đồng. Tổng cộng là 794.280.000 (bảy trăm chín mươi bốn triệu hai trăm tám mươi ngàn) đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ Phước H đối với bà Bùi Thị Ngọc M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/11/2021 ông P kháng cáo: Yêu cầu tính lại tiền lãi suất do ông H tính lãi suất cho ông là 5%/tháng và tính lãi nhập vốn.

Ngày 26/11/2021 ông H kháng cáo: Yêu cầu tính lại tiền lãi do Bản án sơ thẩm tính lãi suất sai, không cộng số ngày của tháng dư là những tháng có ngày 31 (là 10 ngày) và trừ đi ngày tháng thiếu là (02 ngày) còn lại 8 ngày chưa tính lãi.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà M có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt Bà M, anh S theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông H yêu cầu ông P trả số tiền vốn vay 600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông H là Hợp đồng vay tiền ngày 25/5/2020 ký kết tại Phòng công chứng S và các giấy mượn tiền đề ngày 12/7/2019; 01/8/2019 và 03/9/2019 do anh S, ông P viết và ký tên. Ông P, anh S cũng xác định các giấy nợ ông H cung cấp cho Tòa án là do ông P, anh S viết và ký tên. Ngày 25/5/2020, chuyển giao các khoản nợ nêu trên thành 600.000.000 đồng và ông P ký Hợp đồng vay tiền tại Văn Phòng công chứng S là đúng. Ông P, anh S cho rằng trong số tiền 600.000.000 đồng vốn chỉ có khoảng 250.000.000 đồng, còn nữa là tiền lãi chồng lãi, lãi phạt. Ông P đã bán xe tải trả tiền vốn, tiền lãi cho ông H 450.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ, biên nhận. Ông P chỉ nợ ông H khoảng 250.000.000 đồng tiền vốn vay nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của ông H thấy rằng: Ông H cho rằng cấp sơ thẩm tính lãi suất sai, không cộng số ngày của tháng dư là những tháng có ngày 31 (là 10 ngày) và trừ đi ngày tháng thiếu là (02 ngày) còn lại 8 ngày chưa tính lãi, nên yêu cầu xem xét thêm phần tiền lãi từ ngày 25/5/2020 đến ngày 11/11/2021 là $10 - 02 = 08$ ngày tiền lãi. Căn cứ vào Điều 146 Bộ luật Dân sự quy định thời hạn một tháng là 30 ngày. Trong hợp đồng vay tài sản ngày 25/5/2020 giữa ông H và ông P thỏa thuận tiền lãi là 1,5%/tháng, ông H yêu cầu tính lãi theo ngày là không đúng với sự thỏa thuận trong hợp đồng. Cấp sơ thẩm đã tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản giữa ông H và ông P là 1,5%/tháng là đúng theo sự thỏa thuận của các đương và phù hợp với quy định của pháp luật, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H.

[4] Xét kháng cáo của ông P thấy rằng: Ông P cho rằng ông H tính lãi 5% và tính lãi nhập vốn nhưng ông P không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông, cũng như tại phiên tòa ông cũng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông P.

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông P, ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông P phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật nhưng ông P là người cao tuổi thuộc diện miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Đỗ Phước H

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Duy P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ Phước H đối với Ông Nguyễn Duy P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc Ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ trả cho Ông Đỗ Phước H số tiền vốn vay là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, tiền lãi tính đến ngày 11/11/2021 là 194.280.000 (một trăm chín mươi bốn triệu hai trăm tám mươi ngàn) đồng. Tổng cộng là 794.280.000 (bảy trăm chín mươi bốn triệu hai trăm tám mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày 12/11/2021 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ Phước H đối với bà Bùi Thị Ngọc M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Duy P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ông Đỗ Phước H số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0009179 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H phải chịu 300.000 đồng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0020440 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án thị xã T, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận ông H đã nộp xong.

Ông P được miễn án phí phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND tx T;
- Chi cục THADS tx T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Hằng